

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

KIM GROWTH VN30 ETF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Số/No.: 20250814/FUEKIV30-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Ho Chi Minh City, August 14, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

7. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.

- Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund:* **Quỹ ETF KIM Growth VN30/ KIM Growth VN30 ETF**

- Mã chứng khoán/ *Securities code:* **FUEKIV30**

- Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.

- Điện thoại/ *Phone number:* (028) 3824 2220 Fax: (028) 3824 2225

- Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>

8. Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2025**

Content of information disclosure: Report on Interim Audited Financial Statement – First half of 2025

9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>

This information was disclosed on Fund Management Company's portal on August 14, 2025, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2025/

Report on Interim Audited Financial Statement –

First half of 2025

Đại diện công bố thông tin



YUN HANG JIN

Tổng Giám đốc / General Director

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF giữa niên độ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	23 - 54

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 2.024.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 202.400.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Yun Heng Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ").

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ (CCQ) là 10,66% so với NAV/CCQ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là 10,43%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 9,88% so với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN30 Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN30 Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VN30 hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 52/GCN-UBCK ngày 7 tháng 12 năm 2021, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 2.009.716.617.304 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 2.024.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 202.400.000 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, chỉ số VN30 tại thời điểm báo cáo là 1.477,56.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 %	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 %
Danh mục chứng khoán	99,78	99,79
Các tài sản khác	0,22	0,21
Cộng	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	2.009.716.617.304	1.281.347.708.100
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành (đơn vị)	202.400.000	150.700.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND)	9.929,42	8.502,63
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ (VND)	9.914,39	8.866,94
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ (VND)	7.779,17	7.456,22
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND)	10.000	8.580
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ (VND)	10.000	8.900
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ (VND)	8.020	7.490
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	10,66	14,03
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	0,92	0,86
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	56,44	10,57

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của NAV/CCQ</i>	<i>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</i>
1 năm (từ 30/6/2024 đến 30/6/2025)	16,78%	16,78%
3 năm (*)	21,79%	6,79%
Từ khi thành lập (ngày 7/12/2021) (**)	-1,11%	-0,32%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu (***)	-3,57%	-1,03%

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

(***) Tính từ ngày mã chứng khoán FUEKIV30 chính thức giao dịch ngày 7 tháng 1 năm 2022.

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 tăng trưởng tích cực, với tốc độ tăng ước đạt 7,96% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,56% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,89%, đóng góp 5,19% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,97%, đóng góp 43,63%; khu vực dịch vụ tăng 8,46%, đóng góp 51,18%.

Tính đến thời điểm 26/6/2025, tổng phương tiện thanh toán tăng 7,09% so với cuối năm 2024 (cùng thời điểm năm trước tăng 2,48%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 6,11% (cùng thời điểm năm trước tăng 1,82%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 8,30% (cùng thời điểm năm trước tăng 4,85%). Trong nửa đầu năm, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 21.297 tỷ đồng/phiên, tăng 1,4% so với bình quân năm 2024; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 14.050 tỷ đồng/phiên, tăng 19,0%.

CPI bình quân quý II/2025 tăng 3,31% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Thuốc và dịch vụ y tế tăng 13,35%; hàng hóa và dịch khác tăng 6,57%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,35%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,60%; giáo dục tăng 2,95%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,08%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,98%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,63%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,19%; bưu chính, viễn thông giảm 0,31%; giao thông giảm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

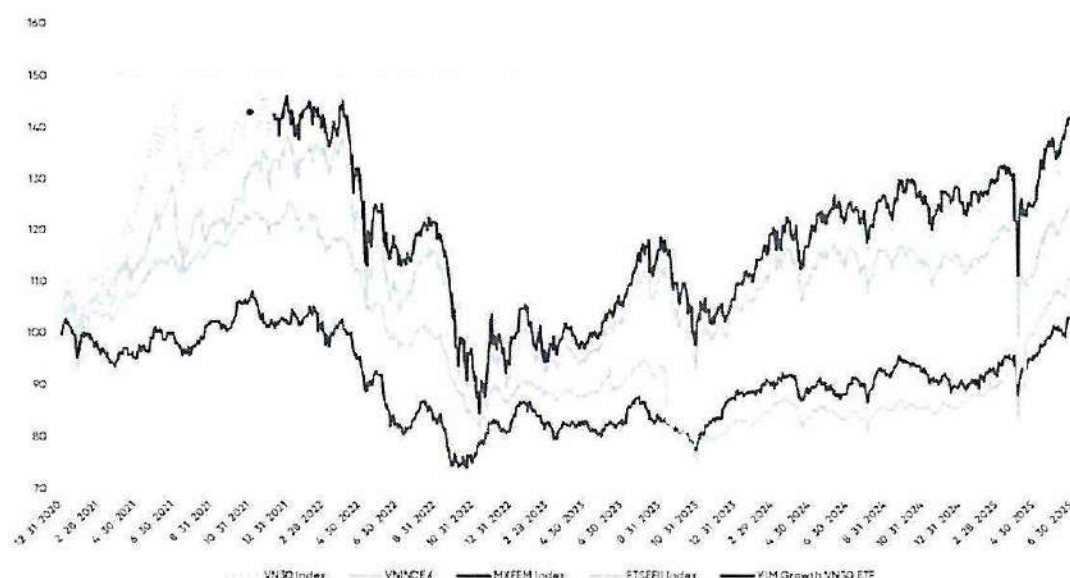
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo %	3 năm đến thời điểm báo cáo %	Từ khi thành lập %
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	16,78	21,79	-1,11
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị quỹ	16,78	6,79	-0,32
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	16,81	19,09	-2,60
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	16,55	23,15	-1,48

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VN30 được chính thức niêm yết trên sàn HSX (ngày 7 tháng 1 năm 2022).

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Tỷ lệ thay đổi %
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	2.009.716.617.304	1.779.364.005.267	12,95
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	9.929,42	8.973,09	10,66

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ %
Dưới 5.000	382	223.537	0,11
Từ 5.000 đến 10.000	18	112.063	0,06
Từ 10.000 đến 50.000	9	148.400	0,07
Từ 50.000 đến 500.000	7	800.300	0,40
Trên 500.000	8	201.115.700	99,36
Tổng cộng	424	202.400.000	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngậm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi đánh giá nền kinh tế Việt Nam quý II năm 2025 nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng sẽ có những điểm đáng chú ý, cụ thể như sau:

Tăng trưởng GDP gần 8%, nền xuất khẩu mạnh, nhờ động lực từ sản xuất và dịch vụ. Tuy nhiên, mục tiêu 8% cả năm vẫn khó khăn giữa bối cảnh thương chiến và chính sách toàn cầu. Mặc dù mức thuế suất được giảm còn 20% (thay vì 46%), tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro do chưa công bố mức thuế cụ thể áp dụng cho từng ngành nghề.

Đối với thị trường chứng khoán, việc đưa hệ thống KRX vào hoạt động từ tháng 5 năm 2025, cùng với chỉ đạo của ủy ban chứng khoán về việc nỗ lực đáp ứng những tiêu chí của các tổ chức đánh giá để được nâng cấp lên Thị trường mới nổi vào tháng 9/2025 sẽ là chất xúc tác chính để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại thị trường Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về cơ cấu nhân sự Hội đồng thành viên và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Hyun DongSik - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Hyun DongSik đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Hyun DongSik tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Hyun DongSik được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Ông Park ChangKue - Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Park ChangKue đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như SI Securities, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Park ChangKue tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh và ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc tại trường Đại học Kookmin, Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Park ChangKue được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Ông Yun Hang Jin - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Ông Yun Hang Jin đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Về học vấn, Ông Yun Hang Jin tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc và có chứng chỉ quản lý tài sản và chứng chỉ quản trị rủi ro tài chính (FRM) do Hàn Quốc cấp. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Yun Hang Jin được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thông tin về Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh sở hữu chứng chỉ CFA và có hơn 15 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động phân tích và quản lý tài sản. Ông Khánh tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại Singapore Institute of Management và được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ năm 2012. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, ông Khánh đã làm việc tại nhiều tổ chức tài chính như Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) và Văn phòng đại diện Korea Investment Management Co., Ltd tại Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê - Người điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê sở hữu chứng chỉ CFA và có kinh nghiệm gần 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý tài sản và phân tích đầu tư. Bà Lê tốt nghiệp trường Đại học Iowa (Hoa Kỳ) chuyên ngành tài chính - kế toán. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, bà Lê đã có nhiều năm làm việc tại các tổ chức danh tiếng về quản lý tài sản như Aegion Companies Investment Management Inc., Cedar Rapids (Hoa Kỳ), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


YUN HANG JIN

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Nguyễn Thùy Dương



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12952890/69117023/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VN30

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 15 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (Công ty Quản lý Quỹ) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B01g-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		205.586.576.139	87.785.535.242
02	1.1 Cổ tức được chia	12	21.588.193.800	13.002.449.500
03	1.2 Tiền lãi được nhận	12	18.252.989	7.962.242
04	1.3 Lợi nhuận/(lỗ) bán các khoản đầu tư	13	31.880.022.148	(3.745.536.175)
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	152.100.107.202	78.520.659.675
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		1.399.204.728	124.531.302
11	2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	14	1.399.204.728	124.531.302
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		7.052.167.856	3.249.620.265
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		5.024.279.503	2.153.731.854
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	15	513.099.814	247.364.340
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		200.971.178	86.149.272
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		200.971.178	115.702.546
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		33.000.000	33.000.000
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	16	913.505.372	391.587.616
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		69.622.949	69.816.351
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	96.717.862	152.268.286
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		197.135.203.555	84.411.383.675
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		197.135.203.555	84.411.383.675
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	11	45.035.096.353	5.890.724.000
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	11	152.100.107.202	78.520.659.675
41	VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ		197.135.203.555	84.411.383.675

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán



Ông Yun Heng Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	3.659.606.889	2.652.502.659
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		3.659.606.889	2.652.502.659
120	2. Các khoản đầu tư thuần		2.007.391.329.150	1.777.721.489.800
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	2.007.391.329.150	1.777.721.489.800
130	3. Các khoản phải thu		857.823.271	915.650.000
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		842.700.000	915.650.000
137	3.2 Các khoản phải thu khác	6	15.123.271	-
100	TỔNG TÀI SẢN		2.011.908.759.310	1.781.289.642.459
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	1.500.000	1.500.000
316	2. Chi phí phải trả	8	235.981.834	161.400.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	9	1.954.660.172	1.762.737.192
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.192.142.006	1.925.637.192
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		2.009.716.617.304	1.779.364.005.267
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		2.024.000.000.000	1.983.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	2.434.000.000.000	2.333.000.000.000
413	1.2 Vốn góp hoán đổi lại	10	(410.000.000.000)	(350.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(314.792.082.664)	(307.009.491.146)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	11	300.508.699.968	103.373.496.413
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	10	9.929,42	8.973,09

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-ETF

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	19	202.400.000	198.300.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yuri Hạng Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B03g-ETF

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	1.779.364.005.267	575.620.476.005
II	Thay đổi NAV trong kỳ	197.135.203.555	84.411.383.675
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	197.135.203.555	84.411.383.675
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF	33.217.408.482	621.315.848.420
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	88.794.541.489	629.720.691.690
III.2	- Khoản thanh toán từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF	(55.577.133.007)	(8.404.843.270)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	2.009.716.617.304	1.281.347.708.100

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B04g-ETF

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 %
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	53.110.056		2.007.391.329.150	99,78
1	ACB	3.884.312	21.300	82.735.845.600	4,11
2	BCM	79.500	64.200	5.103.900.000	0,25
3	BID	236.064	36.300	8.569.123.200	0,43
4	BVH	62.800	53.100	3.334.680.000	0,17
5	CTG	677.292	41.900	28.378.534.800	1,41
6	FPT	1.527.522	118.200	180.553.100.400	8,97
7	GAS	232.079	67.800	15.734.956.200	0,78
8	GVR	313.900	30.300	9.511.170.000	0,47
9	HDB	2.201.296	21.800	47.988.252.800	2,39
10	HPG	8.218.026	22.700	186.549.190.200	9,27
11	LPB	2.385.500	32.250	76.932.375.000	3,82
12	MBB	2.820.271	25.800	72.762.991.800	3,62
13	MSN	1.564.900	76.800	120.184.320.000	5,97
14	MWG	2.200.200	65.500	144.113.100.000	7,16
15	PLX	250.600	37.250	9.334.850.000	0,46
16	SAB	280.900	47.000	13.202.300.000	0,66
17	SHB	2.899.743	12.900	37.406.684.700	1,86
18	SSB	1.549.262	18.150	28.119.105.300	1,40
19	SSI	1.150.320	24.700	28.412.904.000	1,41
20	STB	1.583.500	46.700	73.949.450.000	3,68
21	TCB	3.859.800	34.200	132.005.160.000	6,56
22	TPB	1.109.201	13.450	14.918.753.450	0,74
23	VCB	771.179	57.000	43.957.203.000	2,18
24	VHM	1.947.700	76.700	149.388.590.000	7,43
25	VIB	1.749.289	18.300	32.011.988.700	1,59
26	VIC	2.176.700	95.600	208.092.520.000	10,34
27	VJC	590.600	88.100	52.031.860.000	2,59
28	VNM	1.657.600	58.000	96.140.800.000	4,78
29	VPB	3.331.200	18.500	61.627.200.000	3,06
30	VRE	1.798.800	24.650	44.340.420.000	2,20
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC			857.823.271	0,04
1	Cổ tức được nhận			842.700.000	0,04
2	Trả trước giá dịch vụ quản lý niêm yết cho HOSE			15.123.271	0,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B04g-ETF

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 %
III 1	TIỀN Tiền gửi ngân hàng		- -	3.659.606.889 3.659.606.889	0,18 0,18
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC	53.110.056	-	2.011.908.759.310	100,00

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yun Hạng Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		197.135.203.555	84.411.383.675
01.1	Điều chỉnh lỗ do việc mua lại chứng chỉ quỹ		(4.432.002.923)	(671.355.105)
01.2	Điều chỉnh lỗ do việc mua hộ chứng khoán giao dịch		323.205.000	2.039.925.000
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(152.030.484.253)	(78.450.843.324)
03	Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(152.100.107.202)	(78.520.659.675)
04	Chi phí trích trước		69.622.949	69.816.351
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		40.995.921.379	7.329.110.246
20	Tăng các khoản đầu tư		(61.398.834.225)	(209.865.713.720)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		72.950.000	(886.134.000)
08	Tăng các khoản phải thu khác		(15.123.271)	(15.081.982)
16	Giảm/(tăng) phải trả, phải nộp khác		4.958.885	(135.427.366)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		191.922.980	437.907.325
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(20.148.204.252)	(203.135.339.497)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		21.699.081.489	203.571.566.690
22	2. Tiền chi từ phát hành chứng chỉ quỹ		(543.773.007)	(58.843.270)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		21.155.308.482	203.512.723.420
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		1.007.104.230	377.383.923

(*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		2.652.502.659	1.109.179.820
52	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		2.652.502.659	1.109.179.820
52.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		2.652.502.659	1.109.179.820
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	3.659.606.889	1.486.563.743
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		3.659.606.889	1.486.563.743
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		3.659.606.889	1.486.563.743
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		1.007.104.230	377.383.923

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 2.024.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 202.400.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.100.000 chứng chỉ với tổng giá trị là 71.000.000.000 đồng với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 2.024.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 202.400.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- + Giá trị sổ sách; hoặc
- + Giá mua; hoặc
- + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*" trên báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoán đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một năm (01) đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai năm (02) đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ. Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VN30 sẽ không phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Công ty Chứng khoán và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.9 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,55% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi Ngày định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ phí lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ lưu ký
NAV dưới 600 tỷ đồng	0,06%/NAV/năm
NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	0,05%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,04%/NAV/năm

Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ quản trị Quỹ
NAV dưới 1.000 tỷ đồng	0,03%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,02%/NAV/năm

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí* (tiếp theo)

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

3.10 *Thuế*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo quy định hiện hành về thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

b. *Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định hiện hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát cho hoạt động của quỹ ETF	3.659.606.889	2.652.502.659

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá hoán đổi (*) / giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch thuần VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Cổ phiếu niêm yết	1.728.796.988.160	2.007.391.329.150	320.060.964.296	(41.466.623.306)	278.594.340.990	2.007.391.329.150
	1.728.796.988.160	2.007.391.329.150	320.060.964.296	(41.466.623.306)	278.594.340.990	2.007.391.329.150
Ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Cổ phiếu niêm yết	1.651.227.256.012	1.777.721.489.800	192.043.513.344	(65.549.279.556)	126.494.233.788	1.777.721.489.800
	1.651.227.256.012	1.777.721.489.800	192.043.513.344	(65.549.279.556)	126.494.233.788	1.777.721.489.800
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					152.100.107.202	

(*) Giá hoán đổi được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối kỳ kế toán và giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Trả trước giá dịch vụ quản lý niêm yết trả HOSE	15.123.271	-

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thù lao ban đại diện Quỹ	1.500.000	1.500.000

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phí kiểm toán	210.022.949	140.400.000
Thù lao Ban đại diện Quỹ	13.500.000	13.500.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	12.458.885	7.500.000
	235.981.834	161.400.000

9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phí quản lý Quỹ ETF	888.896.120	819.867.014
Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	456.752.686	400.577.064
Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	456.752.686	400.577.064
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	64.646.988	59.626.694
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	35.555.846	32.794.678
Phí dịch vụ giám sát	35.555.846	32.794.678
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
	1.954.660.172	1.762.737.192

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	233.300.000	10.100.000	243.400.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	2.333.000.000.000	101.000.000.000	2.434.000.000.000
Thặng dư vốn	(408.973.339.291)	(12.205.458.511)	(421.178.797.802)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	1.924.026.660.709	88.794.541.489	2.012.821.202.198
Vốn góp hoán đổi lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(35.000.000)	(6.000.000)	(41.000.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(350.000.000.000)	(60.000.000.000)	(410.000.000.000)
Thặng dư vốn	101.963.848.145	4.422.866.993	106.386.715.138
Tổng giá trị hoán đổi lại			
Chứng chỉ Quỹ ETF	(248.036.151.855)	(55.577.133.007)	(303.613.284.862)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	198.300.000	4.100.000	202.400.000
Giá trị vốn góp hiện hành	1.675.990.508.854	33.217.408.482	1.709.207.917.336
Lợi nhuận chưa phân phối	103.373.496.413	197.135.203.555	300.508.699.968
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	1.779.364.005.267	230.352.612.037	2.009.716.617.304
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	8.973,09		9.929,42

11. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	(23.120.737.375)	45.035.096.353	21.914.358.978
Lợi nhuận chưa thực hiện	126.494.233.788	152.100.107.202	278.594.340.990
	103.373.496.413	197.135.203.555	300.508.699.968

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

12. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Cổ tức được chia	21.588.193.800	13.002.449.500
- Cổ tức đã nhận	20.745.493.800	11.912.065.500
- Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	842.700.000	1.090.384.000
Tiền lãi được nhận	18.252.989	7.962.242
	21.606.446.789	13.010.411.742

13. LỢI NHUẬN/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) từ giao dịch mua bán chứng khoán	27.771.224.225	(2.376.966.280)
Lợi nhuận từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ	4.432.002.923	671.355.105
Lỗ từ việc Quỹ mua hộ các nhà đầu tư chứng khoán hạn chế	(323.205.000)	(2.039.925.000)
	31.880.022.148	(3.745.536.175)

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

	Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Cổ phiếu niêm yết			
Lợi nhuận bán các khoản đầu tư	513.552.745.000	485.781.520.775	27.771.224.225
Lợi nhuận trong giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	55.033.360.000	50.601.357.077	4.432.002.923
Lỗ từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ	1.641.133.950	1.964.338.950	(323.205.000)
	570.227.238.950	538.347.216.802	31.880.022.148

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	789.281.108	73.579.256
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	609.923.620	50.952.046
	1.399.204.728	124.531.302

15. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	365.402.148	191.608.188
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	50.030.166	21.310.538
Phí dịch vụ lưu ký trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC")	97.667.500	34.445.614
	513.099.814	247.364.340

16. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	456.752.686	195.793.808
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	456.752.686	195.793.808
	913.505.372	391.587.616

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	30.000.000	30.000.000
Phí thực hiện quyền trả VSD	10.100.000	13.600.000
Chi phí thiết kế, in ấn, gửi thư	26.484.344	80.728.124
Chi phí quản lý niêm yết trả HOSE	14.876.729	14.918.018
Chi phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	4.958.885	4.972.634
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSDC	6.500.000	6.000.000
Chi phí ngân hàng	3.797.904	2.049.510
	96.717.862	152.268.286

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2025	1.779.327.390.049	198.300.000	8.972,90	(0,19)
2	02/01/2025	1.777.241.627.125	198.300.000	8.962,38	(10,52)
3	05/01/2025	1.747.310.973.580	198.300.000	8.811,45	(150,93)
4	06/01/2025	1.737.317.348.484	198.300.000	8.761,05	(50,40)
5	07/01/2025	1.740.222.525.664	198.300.000	8.775,70	14,65
6	08/01/2025	1.741.990.887.533	198.300.000	8.784,62	8,92
7	09/01/2025	1.734.289.988.620	198.300.000	8.745,78	(38,84)
8	12/01/2025	1.710.946.616.319	198.300.000	8.628,07	(117,71)
9	13/01/2025	1.717.646.660.509	198.300.000	8.661,85	33,78
10	14/01/2025	1.705.549.013.826	198.300.000	8.600,85	(61,00)
11	15/01/2025	1.716.620.100.052	198.300.000	8.656,68	55,83
12	16/01/2025	1.723.977.190.220	198.300.000	8.693,78	37,10
13	19/01/2025	1.737.373.619.770	198.300.000	8.761,33	67,55
14	20/01/2025	1.741.907.346.320	198.300.000	8.784,20	22,87
15	21/01/2025	1.739.040.947.462	198.300.000	8.769,74	(14,46)
16	22/01/2025	1.732.284.808.020	198.300.000	8.735,67	(34,07)
17	23/01/2025	1.762.364.889.618	198.300.000	8.887,36	151,69
18	30/01/2025	1.768.545.977.420	198.300.000	8.918,53	31,17
19	31/01/2025	1.768.509.579.736	198.300.000	8.918,35	(0,18)
20	02/02/2025	1.768.436.713.309	198.300.000	8.917,98	(0,37)
21	03/02/2025	1.741.906.562.334	198.300.000	8.784,19	(133,79)
22	04/02/2025	1.754.048.328.037	198.300.000	8.845,42	61,23
23	05/02/2025	1.759.483.764.936	198.300.000	8.872,83	27,41
24	06/02/2025	1.766.367.358.580	198.300.000	8.907,55	34,72
25	09/02/2025	1.771.817.975.351	198.300.000	8.935,03	27,48
26	10/02/2025	1.758.628.349.253	198.300.000	8.868,52	(66,51)
27	11/02/2025	1.768.540.383.922	198.300.000	8.918,50	49,98
28	12/02/2025	1.764.884.204.418	198.300.000	8.900,07	(18,43)
29	13/02/2025	1.767.626.667.613	198.300.000	8.913,90	13,83
30	16/02/2025	1.771.150.729.788	198.300.000	8.931,67	17,77
31	17/02/2025	1.762.520.007.426	198.300.000	8.888,14	(43,53)
32	18/02/2025	1.793.697.204.220	201.300.000	8.910,56	22,42
33	19/02/2025	1.803.374.440.303	201.300.000	8.958,64	48,08
34	20/02/2025	1.809.795.108.091	201.300.000	8.990,53	31,89
35	23/02/2025	1.815.421.364.464	201.300.000	9.018,48	27,95
36	24/02/2025	1.829.861.282.858	201.300.000	9.090,21	71,73
37	25/02/2025	1.824.511.335.403	201.300.000	9.063,64	(26,57)
38	26/02/2025	1.824.476.861.024	201.300.000	9.063,47	(0,17)
39	27/02/2025	1.828.542.855.294	201.300.000	9.083,67	20,20
40	28/02/2025	1.818.867.844.208	201.300.000	9.035,60	(48,07)
41	02/03/2025	1.818.793.024.991	201.300.000	9.035,23	(0,37)
42	03/03/2025	1.825.098.570.578	201.300.000	9.066,56	31,33
43	04/03/2025	1.834.184.495.585	201.300.000	9.111,69	45,13
44	05/03/2025	1.828.716.476.863	201.300.000	9.084,53	(27,16)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
45	06/03/2025	1.849.733.563.658	201.300.000	9.188,93	104,40
46	09/03/2025	1.863.250.643.848	201.300.000	9.256,08	67,15
47	10/03/2025	1.864.953.314.577	201.300.000	9.264,54	8,46
48	11/03/2025	1.868.263.997.615	201.300.000	9.280,99	16,45
49	12/03/2025	1.866.660.344.504	201.300.000	9.273,02	(7,97)
50	13/03/2025	1.859.804.168.838	201.300.000	9.238,96	(34,06)
51	16/03/2025	1.859.327.249.431	201.300.000	9.236,59	(2,37)
52	17/03/2025	1.869.842.205.112	201.300.000	9.288,83	52,24
53	18/03/2025	1.861.419.359.025	201.300.000	9.246,99	(41,84)
54	19/03/2025	1.846.629.453.315	201.300.000	9.173,51	(73,48)
55	20/03/2025	1.857.538.631.619	202.300.000	9.182,09	8,58
56	23/03/2025	1.856.519.888.887	202.300.000	9.177,06	(5,03)
57	24/03/2025	1.873.219.045.510	202.300.000	9.259,60	82,54
58	25/03/2025	1.879.857.969.632	203.300.000	9.246,71	(12,89)
59	26/03/2025	1.869.911.132.737	203.300.000	9.197,79	(48,92)
60	27/03/2025	1.868.227.783.332	203.300.000	9.189,51	(8,28)
61	30/03/2025	1.860.469.288.085	203.400.000	9.146,84	(42,67)
62	31/03/2025	1.846.820.426.821	203.400.000	9.079,74	(67,10)
63	01/04/2025	1.864.415.546.340	203.400.000	9.166,25	86,51
64	02/04/2025	1.864.408.809.346	203.400.000	9.166,21	(0,04)
65	03/04/2025	1.737.473.823.761	203.400.000	8.542,15	(624,06)
66	07/04/2025	1.733.739.843.172	203.400.000	8.523,79	(18,36)
67	08/04/2025	1.637.284.930.627	205.400.000	7.971,20	(552,59)
68	09/04/2025	1.621.180.825.868	208.400.000	7.779,17	(192,03)
69	10/04/2025	1.727.080.940.124	207.700.000	8.315,26	536,09
70	13/04/2025	1.810.775.040.668	207.700.000	8.718,22	402,96
71	14/04/2025	1.832.737.391.533	207.700.000	8.823,96	105,74
72	15/04/2025	1.811.797.328.402	207.700.000	8.723,14	(100,82)
73	16/04/2025	1.787.527.946.029	207.700.000	8.606,29	(116,85)
74	17/04/2025	1.801.013.295.317	207.700.000	8.671,22	64,93
75	18/04/2025	1.739.662.685.851	207.700.000	8.375,84	(295,38)
76	20/04/2025	1.805.335.148.464	207.700.000	8.692,03	316,19
77	21/04/2025	1.788.784.298.226	207.700.000	8.612,34	(79,69)
78	22/04/2025	1.785.056.960.146	207.700.000	8.594,40	(17,94)
79	23/04/2025	1.802.505.235.981	207.700.000	8.678,40	84,00
80	24/04/2025	1.814.384.996.263	207.700.000	8.735,60	57,20
81	25/04/2025	1.822.229.310.711	207.700.000	8.773,37	37,77
82	27/04/2025	1.822.154.994.070	207.700.000	8.773,01	37,41
83	28/04/2025	1.818.388.710.729	207.700.000	8.754,88	(18,13)
84	30/04/2025	1.812.200.775.307	207.700.000	8.725,08	(29,80)
85	01/05/2025	1.812.163.499.755	207.700.000	8.724,90	(0,18)
86	04/05/2025	1.812.051.675.448	207.700.000	8.724,37	(0,53)
87	05/05/2025	1.826.747.881.500	207.700.000	8.795,12	70,75
88	06/05/2025	1.825.647.063.833	207.700.000	8.789,82	(5,30)
89	07/05/2025	1.832.702.032.654	207.700.000	8.823,79	33,97
90	08/05/2025	1.869.010.725.855	207.700.000	8.998,60	174,81

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
91	11/05/2025	1.870.447.327.926	207.700.000	9.005,52	6,92
92	12/05/2025	1.897.757.201.085	207.700.000	9.137,01	131,49
93	13/05/2025	1.913.711.236.159	207.700.000	9.213,82	76,81
94	14/05/2025	1.937.932.475.147	207.700.000	9.330,44	116,62
95	15/05/2025	1.944.599.180.065	207.700.000	9.362,53	32,09
96	18/05/2025	1.920.893.672.359	207.700.000	9.248,40	(114,13)
97	19/05/2025	1.919.523.523.681	207.600.000	9.246,25	(2,15)
98	20/05/2025	1.956.944.210.735	207.500.000	9.431,05	184,80
99	21/05/2025	1.973.292.484.680	207.500.000	9.509,84	78,79
100	22/05/2025	1.958.761.362.803	207.400.000	9.444,36	(65,48)
101	25/05/2025	1.960.837.175.030	207.300.000	9.458,93	14,57
102	26/05/2025	1.980.035.516.695	207.200.000	9.556,15	97,22
103	27/05/2025	1.983.053.090.154	207.000.000	9.579,96	23,81
104	28/05/2025	1.989.567.886.002	207.000.000	9.611,43	31,47
105	29/05/2025	1.988.675.564.844	207.000.000	9.607,12	(4,31)
106	31/05/2025	1.977.660.538.864	207.000.000	9.553,91	(53,21)
107	01/06/2025	1.977.619.924.693	207.000.000	9.553,71	(0,20)
108	02/06/2025	1.976.686.502.193	207.000.000	9.549,21	(4,50)
109	03/06/2025	1.997.236.697.278	207.000.000	9.648,48	99,27
110	04/06/2025	1.993.599.787.401	207.000.000	9.630,91	(17,57)
111	05/06/2025	1.989.540.163.315	207.000.000	9.611,30	(19,61)
112	08/06/2025	1.970.791.345.142	207.000.000	9.520,73	(90,57)
113	09/06/2025	1.941.115.239.031	207.000.000	9.377,36	(143,37)
114	10/06/2025	1.952.846.578.732	207.000.000	9.434,04	56,68
115	11/06/2025	1.953.264.767.993	207.000.000	9.436,06	2,02
116	12/06/2025	1.964.501.845.722	207.000.000	9.490,34	54,28
117	15/06/2025	1.905.882.405.232	202.400.000	9.416,41	(73,93)
118	16/06/2025	1.931.861.647.011	202.400.000	9.544,77	128,36
119	17/06/2025	1.946.816.271.902	202.400.000	9.618,65	73,88
120	18/06/2025	1.948.950.703.619	202.400.000	9.629,20	10,55
121	19/06/2025	1.957.499.499.471	202.400.000	9.671,44	42,24
122	22/06/2025	1.951.805.332.268	202.400.000	9.643,30	(28,14)
123	23/06/2025	1.969.603.712.401	202.400.000	9.731,24	87,94
124	24/06/2025	1.989.226.786.467	202.400.000	9.828,19	96,95
125	25/06/2025	1.992.653.046.428	202.400.000	9.845,12	16,93
126	26/06/2025	1.990.051.930.755	202.400.000	9.832,27	(12,85)
127	29/06/2025	2.006.672.699.922	202.400.000	9.914,39	82,12
128	30/06/2025	2.009.716.617.304	202.400.000	9.914,39	-

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND) 1.842.077.373.651

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong kỳ (VND) 624,06
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 0,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2024	575.607.599.749	77.200.000	7.456,05	(0,17)
2	02/01/2024	575.692.669.143	77.200.000	7.457,15	1,10
3	03/01/2024	582.393.677.214	77.200.000	7.543,95	86,80
4	04/01/2024	588.345.027.805	77.200.000	7.621,04	77,09
5	07/01/2024	590.727.043.273	77.200.000	7.651,90	30,86
6	08/01/2024	591.924.212.973	77.200.000	7.667,41	15,51
7	09/01/2024	590.227.212.670	77.200.000	7.645,43	(21,98)
8	10/01/2024	591.470.561.675	77.200.000	7.661,53	16,10
9	11/01/2024	591.903.932.086	77.200.000	7.667,14	5,61
10	14/01/2024	591.918.524.687	77.200.000	7.667,33	0,19
11	15/01/2024	590.704.762.627	77.200.000	7.651,61	(15,72)
12	16/01/2024	595.205.688.237	77.200.000	7.709,91	58,30
13	17/01/2024	593.372.291.720	77.200.000	7.686,16	(23,75)
14	18/01/2024	604.801.326.952	78.200.000	7.734,03	47,87
15	21/01/2024	610.998.794.681	78.200.000	7.813,28	79,25
16	22/01/2024	613.218.314.942	78.200.000	7.841,66	28,38
17	23/01/2024	610.262.090.592	78.200.000	7.803,86	(37,80)
18	24/01/2024	607.980.410.483	78.200.000	7.774,68	(29,18)
19	25/01/2024	606.973.676.968	78.200.000	7.761,81	(12,87)
20	28/01/2024	609.656.828.586	78.200.000	7.796,12	34,31
21	29/01/2024	607.768.128.115	78.200.000	7.771,97	(24,15)
22	30/01/2024	609.054.864.149	78.200.000	7.788,42	16,45
23	31/01/2024	601.123.908.044	78.200.000	7.687,00	(101,42)
24	01/02/2024	604.725.790.997	78.200.000	7.733,06	46,06
25	04/02/2024	605.394.115.288	78.200.000	7.741,61	8,55
26	05/02/2024	616.865.052.902	78.200.000	7.888,29	146,68
27	06/02/2024	617.887.328.673	78.200.000	7.901,37	13,08
28	08/02/2024	624.827.821.686	78.200.000	7.990,12	88,75
29	14/02/2024	624.744.299.381	78.200.000	7.989,05	(1,07)
30	15/02/2024	627.004.219.657	78.200.000	8.017,95	28,90
31	18/02/2024	630.776.498.502	78.200.000	8.066,19	48,24
32	19/02/2024	638.820.693.511	78.200.000	8.169,06	102,87
33	20/02/2024	639.557.889.010	78.200.000	8.178,48	9,42
34	21/02/2024	639.770.130.731	78.200.000	8.181,20	2,72
35	22/02/2024	638.629.361.087	78.200.000	8.166,61	(14,59)
36	25/02/2024	629.935.630.142	78.200.000	8.055,44	(111,17)
37	26/02/2024	635.188.455.081	78.200.000	8.122,61	67,17
38	27/02/2024	642.692.878.358	78.200.000	8.218,57	95,96
39	28/02/2024	651.659.846.157	78.200.000	8.333,24	114,67
40	29/02/2024	651.853.068.723	78.200.000	8.335,71	2,47
41	03/03/2024	652.442.261.861	78.200.000	8.343,25	7,54
42	04/03/2024	653.176.369.186	78.200.000	8.352,63	9,38
43	05/03/2024	659.156.672.195	78.200.000	8.429,11	76,48
44	06/03/2024	654.451.521.214	78.200.000	8.368,94	(60,17)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
45	07/03/2024	657.258.744.223	78.200.000	8.404,84	35,90
46	10/03/2024	643.640.009.683	78.200.000	8.230,69	(174,15)
47	11/03/2024	627.733.335.347	77.200.000	8.131,26	(99,43)
48	12/03/2024	631.328.590.545	77.200.000	8.177,83	46,57
49	13/03/2024	646.584.721.447	77.200.000	8.375,44	197,61
50	14/03/2024	640.492.760.471	77.200.000	8.296,53	(78,91)
51	17/03/2024	638.833.056.567	77.200.000	8.275,03	(21,50)
52	18/03/2024	628.323.900.019	77.200.000	8.138,91	(136,12)
53	19/03/2024	627.797.687.575	77.200.000	8.132,09	(6,82)
54	20/03/2024	640.133.575.109	77.200.000	8.291,88	159,79
55	21/03/2024	651.558.590.106	77.200.000	8.439,87	147,99
56	24/03/2024	652.825.009.901	77.200.000	8.456,28	16,41
57	25/03/2024	645.621.409.624	77.200.000	8.362,97	(93,31)
58	26/03/2024	653.850.159.244	77.200.000	8.469,56	106,59
59	27/03/2024	655.125.653.107	77.200.000	8.486,08	16,52
60	28/03/2024	662.454.177.191	77.200.000	8.581,01	94,93
61	31/03/2024	659.205.548.875	77.200.000	8.538,93	(42,08)
62	01/04/2024	657.013.825.497	77.200.000	8.510,54	(28,39)
63	02/04/2024	656.833.424.739	77.200.000	8.508,20	(2,34)
64	03/04/2024	647.658.750.993	77.200.000	8.389,36	(118,84)
65	04/04/2024	644.287.178.598	77.200.000	8.345,68	(43,68)
66	07/04/2024	668.209.626.557	80.700.000	8.280,16	(65,52)
67	08/04/2024	666.568.439.042	80.700.000	8.259,83	(20,33)
68	09/04/2024	673.030.809.500	80.700.000	8.339,91	80,08
69	10/04/2024	671.365.983.439	80.700.000	8.319,28	(20,63)
70	11/04/2024	670.841.072.521	80.700.000	8.312,77	(6,51)
71	14/04/2024	682.409.758.074	80.700.000	8.456,13	143,36
72	15/04/2024	652.220.013.235	80.700.000	8.082,03	(374,10)
73	16/04/2024	670.989.126.371	82.700.000	8.113,53	31,50
74	18/04/2024	739.182.015.184	92.700.000	7.973,91	(139,62)
75	21/04/2024	728.938.517.561	92.700.000	7.863,41	(110,50)
76	22/04/2024	784.291.634.657	98.700.000	7.946,21	82,80
77	23/04/2024	780.194.028.515	98.700.000	7.904,70	(41,51)
78	24/04/2024	800.826.282.949	98.700.000	8.113,74	209,04
79	25/04/2024	805.874.946.336	99.200.000	8.123,73	9,99
80	30/04/2024	810.215.659.335	99.200.000	8.167,49	43,76
81	01/05/2024	810.198.114.283	99.200.000	8.167,31	(0,18)
82	02/05/2024	814.560.312.795	99.200.000	8.211,29	43,98
83	03/05/2024	820.018.348.948	99.200.000	8.266,31	55,02
84	05/05/2024	819.982.854.445	99.200.000	8.265,95	(0,36)
85	06/05/2024	832.315.591.204	99.200.000	8.390,27	124,32
86	07/05/2024	838.974.700.179	99.200.000	8.457,40	67,13
87	08/05/2024	838.949.446.048	99.200.000	8.457,15	(0,25)
88	09/05/2024	836.728.564.755	99.200.000	8.434,76	(22,39)
89	12/05/2024	834.058.193.497	99.200.000	8.407,84	(26,92)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
90	13/05/2024	830.813.227.229	99.200.000	8.375,13	(32,71)
91	14/05/2024	834.039.334.758	99.200.000	8.407,65	32,52
92	15/05/2024	842.290.693.973	99.200.000	8.490,83	83,18
93	16/05/2024	854.208.472.187	99.200.000	8.610,97	120,14
94	19/05/2024	855.382.588.233	99.200.000	8.622,80	11,83
95	20/05/2024	856.927.642.506	99.200.000	8.638,38	15,58
96	21/05/2024	856.517.439.190	99.200.000	8.634,24	(4,14)
97	22/05/2024	848.311.226.809	99.200.000	8.551,52	(82,72)
98	23/05/2024	857.899.906.974	99.200.000	8.648,18	96,66
99	26/05/2024	1.133.237.344.325	133.200.000	8.507,78	(140,40)
100	27/05/2024	1.134.433.446.927	133.200.000	8.516,76	8,98
101	28/05/2024	1.169.020.207.593	135.700.000	8.614,73	97,97
102	29/05/2024	1.154.923.837.827	135.700.000	8.510,86	(103,87)
103	30/05/2024	1.150.679.664.089	135.700.000	8.479,58	(31,28)
104	31/05/2024	1.150.720.245.774	135.700.000	8.479,88	0,30
105	02/06/2024	1.150.672.405.476	135.700.000	8.479,53	(0,35)
106	03/06/2024	1.170.150.297.456	135.700.000	8.623,06	143,53
107	04/06/2024	1.173.005.264.535	135.700.000	8.644,10	21,04
108	05/06/2024	1.171.769.066.354	135.700.000	8.634,99	(9,11)
109	06/06/2024	1.174.082.043.031	135.700.000	8.652,04	17,05
110	09/06/2024	1.179.184.167.782	135.700.000	8.689,64	37,60
111	10/06/2024	1.181.906.500.727	135.700.000	8.709,70	20,06
112	11/06/2024	1.179.365.158.907	135.700.000	8.690,97	(18,73)
113	12/06/2024	1.201.438.437.256	135.700.000	8.853,63	162,66
114	13/06/2024	1.203.244.801.938	135.700.000	8.866,94	13,31
115	16/06/2024	1.187.513.377.834	135.700.000	8.751,01	(115,93)
116	17/06/2024	1.181.403.249.891	135.700.000	8.705,99	(45,02)
117	18/06/2024	1.181.539.256.970	135.700.000	8.706,99	1,00
118	19/06/2024	1.202.903.371.270	137.700.000	8.735,68	28,69
119	20/06/2024	1.210.809.892.914	137.700.000	8.793,10	57,42
120	23/06/2024	1.296.287.559.323	147.700.000	8.776,48	(16,62)
121	24/06/2024	1.266.742.396.007	147.700.000	8.576,45	(200,03)
122	25/06/2024	1.291.403.153.110	150.700.000	8.569,36	(7,09)
123	26/06/2024	1.293.884.963.511	150.700.000	8.585,83	16,47
124	27/06/2024	1.291.581.704.132	150.700.000	8.570,54	(15,29)
125	30/06/2024	1.281.347.708.100	150.700.000	8.502,63	(67,91)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND)

787.445.764.905

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong kỳ (VND)
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND)

374,10
0,17

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ	202.400.000	198.300.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

20.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ này như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	(819.867.014)	(5.024.279.503)	4.955.250.397	(888.896.120)
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(13.500.000)	(30.000.000)	30.000.000	(13.500.000)

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	(253.607.428)	(2.153.731.854)	1.858.677.524	(548.661.758)
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(13.500.000)	(30.000.000)	30.000.000	(13.500.000)

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"): Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký như sau:

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ lưu ký
NAV dưới 600 tỷ đồng	0,06%/NAV/năm
NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	0,05%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,04%/NAV/năm

Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là:

Giá trị tài sản ròng ("NAV")	Giá dịch vụ quản trị Quỹ
NAV dưới 1.000 tỷ đồng	0,03%/NAV/năm
NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên	0,02%/NAV/năm

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ này như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			Chi phí VND	
			Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND		Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	2.652.502.659	559.173.738.278	(558.166.634.048)	3.659.606.889	-
		Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(59.626.694)	(365.402.148)	360.381.854	(64.646.988)	365.402.148
		Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	53.819.595	(50.030.166)	56.331.090	60.120.519	50.030.166
		Phải trả dịch vụ giám sát	(32.794.678)	(200.971.178)	198.210.010	(35.555.846)	200.971.178
		Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	(32.794.678)	(200.971.178)	198.210.010	(35.555.846)	200.971.178

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	1.109.179.820	271.717.601.932	(271.340.218.009)	1.486.563.743
		Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(27.666.264)	(191.608.188)	179.371.776	(39.902.676)
		Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(34.445.614)	34.445.614	-
		Phải trả dịch vụ giám sát	(10.144.297)	(86.149.272)	74.347.099	(21.946.470)
		Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	(16.500.000)	(115.702.546)	110.256.076	(21.946.470)
						115.702.546

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	0,92	0,86
Tốc độ vòng quay danh mục	56,44	10,57

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở lấy số bình quân giữa tổng giá trị hoán đổi các khoản đầu tư trong kỳ và tổng giá trị bán ra các khoản đầu tư trong kỳ chia cho giá trị tài sản ròng bình quân của Quỹ ETF phát sinh trong kỳ.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị hoán đổi trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 2.007.391.329.150 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 200.739.132.915 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 200.739.132.915 đồng Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối kỳ kế toán có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tài sản			
Tiền gửi tại Ngân hàng			
Giám sát cho hoạt động của quỹ ETF	3.659.606.889	-	3.659.606.889
Các khoản đầu tư	-	2.007.391.329.150	2.007.391.329.150
Các khoản phải thu	-	857.823.271	857.823.271
Tổng tài sản	3.659.606.889	2.008.249.152.421	2.011.908.759.310
Nợ phải trả			
Chi phí phải trả	-	235.981.834	235.981.834
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	1.954.660.172	1.954.660.172
Tổng nợ phải trả	-	2.190.642.006	2.190.642.006
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	3.659.606.889	2.006.058.510.415	2.009.718.117.304

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-ETF

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3.659.606.889	3.659.606.889
Các khoản đầu tư thuần	2.007.391.329.150	2.007.391.329.150
- Cổ phiếu niêm yết	2.007.391.329.150	2.007.391.329.150
Các khoản phải thu	857.823.271	857.823.271
	2.011.908.759.310	2.011.908.759.310
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	1.954.660.172	(*)
Chi phí phải trả	235.981.834	(*)
	2.190.642.006	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoàn đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Vũ Văn Hùng Jin
Tổng Giám đốc